TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/DS – PT;
Ngày: 22/02/2024;
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng;

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 575/2023/TLPT- DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 427/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Tuyết H; sinh năm 1962

Địa chỉ: 050/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thanh D, sinh năm 1992; địa chỉ: C, Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Tổng công ty cổ phần B

Trụ sở: 26, T, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của bị đơn:

- Ông Nguyễn Huy T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban bảo hiểm hàng hải của Tổng Công ty cổ phần B, địa chỉ: số B, T, phường N, Quận A, Thành phố

Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2023); vắng mặt.

- Ông Nguyễn Nhật H1 - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý của Tổng Công ty cổ phần B, địa chỉ: số B, T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2023; vắng mặt.

- Ông Trần Nhật Q - Chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty B1, địa chỉ: số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2023); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty B1;

Trụ sở: Số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của Công ty B1: Ông Trần Nhật Q - Chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty B1, địa chỉ: số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023); có mặt.

3.2. Ngân hàng N1.

Trụ sở:2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T2 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của Ngân hàng N1: Bà Huỳnh Thị Hồng V - Phó Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh Thành phố B, địa chỉ: đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh Thành phố B (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023); có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Tổng Công ty cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D trình bày:

Ngày 07/3/2021, bà H ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số MHS/02014851 do Công ty B1 phát hành đối tượng bảo hiểm là thân tàu cá BT – 98354-TS, hiệu lực từ 07/3/2021 đến 06/3/2022 giá trị tham gia bảo hiểm là 2.515.000.000 đồng theo điều kiện bảo hiểm mọi rủ ro, người thụ hưởng là Ngân hàng N1 - Chi nhánh Thành phố B.

Vào ngày 24/5/2021, sau khi tàu cá BT – 98354-TS đã hành trình về Cảng cá B để bốc dỡ hàng thủy sản, tàu cá BT – 98354-TS đã hành trình về neo đậu tại bến nhà thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi neo đậu ông Phạm Văn T3, là người được giao nhiệm vụ trực trông coi tàu cá BT – 98354-TS. Vào ngày 26/5/2021, khi ông T3 đang ngồi uống nước vệ sinh trên bờ, vừa trông coi thì phát hiện khói bốc lên và lửa ở cabin của tàu cá BT – 98354-TS. Ngay lập tức ông T3 truy hô và tiến hành cho lùi ngay 03 tàu cá neo đậu bên cạnh đó ra ngoài sông để tránh cháy lan, nổ lực làm giảm thiệt hại về số lượng tàu cá đồng thời yêu cầu sự giúp đỡ của Bộ đội Biên phòng và Đội cứu hỏa phòng cháy, chữa cháy hỗ trợ dập tắt lửa.

Sau khi phát sinh sự kiện bảo hiểm, bà H liên hệ Công ty B1 yêu cầu bồi thường. Ngày 27/5/2021, Bảo M yêu cầu đề nghị Công ty TNHH G (LCL) giám định. Ngày 01/4/2022, LCL có báo cáo giám định và nêu chi phí khắc phục sự cố là 2.000.800.000 đồng. Ngày 03/4/2022 bà H có đơn yêu cầu Bảo Minh B bồi thường.

Ngày 20/4/2022, Tổng công ty cổ phần B có công văn số 0689/2022 – BM/HH từ chối bồi thường bảo hiểm với lý do: "Tàu được bảo hiểm đậu tại bến không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực hoặc thuyền viên trực bỏ tàu đi vắng trừ khi có lệnh dời tàu của cơ quan có thẩm quyền". Đến ngày 23/6/2022, Tổng công ty cổ phần B có công văn 1178/2022-BM/HH thông báo vẫn giữ nguyên quan điểm từ chối bồi thường. Việc công ty B1 căn cứ vào lý do loại trừ bảo hiểm theo khoản 5.2.3 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá vì cho rằng khi sự cố xảy ra trên tàu cá không có người trông coi là không thỏa đáng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Bởi vì trong quá trình giao kết thực hiện bảo hiểm tàu cá bà H không được biết về các điều khoản, nội dung hợp đồng, cũng như hoàn toàn không được cung cấp; giải thích Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá dẫn đến việc bà H hoàn toàn không biết về điều khoản loại trừ bảo hiểm. Do đó, việc Công ty B1 áp dụng điều khoản trên để từ chối bảo hiểm là không đảm bảo quyền lợi của bà H. Hơn nữa, nguyên nhân sự cố được xác định là khách quan, không phải do con người phá hoại mà do chập điện trong buồng máy theo ghi nhận tại Báo cáo giám định tàu cá số 279017/LCL ngày 01/4/2022 của LCL CONTROL, đồng thời người coi tàu là ông T3 phát hiện sự cố đã nổ lực và khẩn trương thực hiệc các biện pháp nhằm làm giảm thiệt hại đến mức có thể.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường số tiền chi trả bảo hiểm là 2.000.800.000 đồng và phần tiền lãi trả chậm với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 20/4/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm với số tiền là 282.290.000 đồng.

Khi tham gia bảo hiểm thì người thụ hưởng là Ngân hàng N1 - Chi nhánh Thành phố B. Bà H không đồng ý với lời trình bày của Công ty B1 vì: bà H có bố trí người trông coi, Bảo M cho rằng nếu bồi thường chỉ bồi thường 56,2% là không đúng vì phần bà H yêu cầu nằm trong mức bảo hiểm, việc khấu trừ 2,5% số tiền bồi thường bà H không đồng ý vì bà H không biết điều này. Bà H tham gia đóng Bảo hiểm và được Bảo Minh xác nhận thì đề nghị Bảo M bồi thường để tránh trường hợp kéo dài.

Đại diện bị đơn ông H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q trình bày:

Tổng công ty cổ phần B yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu vì bên nguyên đơn không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng nên không phát sinh trách nhiệm giữa nguyên đơn và bị đơn. Trường hợp nếu công nhận hợp đồng bảo hiểm thì: Tàu cá này tham gia bảo hiểm với giá trị là 2.515.000.000 đồng/4.470.000.000 đồng tương đương 56,2%. Nguyên đơn cho rằng Bảo M không giải thích về điều kiện bảo hiểm là không đúng vì tàu này đã tham gia bảo hiểm nhiều lần và mỗi lần tham gia Bảo Minh đều cung cấp qui tắc, giải thích và chủ tàu cũng đã ký nhận trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và Bảng kê giá trị tàu.

Việc bà H yêu cầu bồi thường 2.000.800.000 đồng là không hợp lý vì căn cứ vào Qui tắc bảo hiểm số 1454/2020-BM/HH ngày 01/7/2020 tại điều 5.2.3: "Tàu được bảo hiểm đậu tại bến không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực hoặc thuyền viên trực bỏ tàu đi vắng trừ khi có lệnh dời tàu của cơ quan có thẩm quyền". Bà H có giao cho ông T3 trông coi tàu cá, nhưng tại thời điểm tàu bị cháy ông T3 không có mặt trên tàu, ông đã rời tàu khoảng 30 phút như vậy tổn thất trên thuộc điểm loại trừ bảo hiểm 5.2.5 của Qui tắc bảo hiểm. Bảo Minh không đồng ý bồi thường vì tổn thất trên thuộc điều khoản loại trừ.

Trong trường hợp tổn thất trên thuộc phạm vi bảo hiểm thì số tiền bồi thường không phải là 2.000.800.000 đồng vì tàu cá tham gia chỉ 56,2% nên số tiền phải giảm xuống và phải khấu hao 2,5% trên số tiền bồi thường.

Nếu trong phạm vi bảo hiểm mà Bảo M phải bồi thường thì số tiền bồi thường là 56,2% của số tiền 2.000.800.000 đồng nhưng phải khấu trừ đi 2,5% theo qui định trong hợp đồng bảo hiểm.

Đại diện Ngân hàng N1 - Chi nhánh thành phố - bà V trình bày:

Bà Phan Thị Tuyết H có vay Ngân hàng N1 - Chi nhánh T và thế chấp tàu cá số BT 98354-TS và BT 98254-TS. Đến ngày 01/7/2022 bà H đã trả cho ngân hàng một số tiền khoản 6.000.000.000 đồng và ngân hàng đã xuất tài sản là hai tàu cá trên (tài sản là tàu cá thế chấp tại ngân hàng). Ngân hàng không còn liên

quan đến tài sản này nên yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết theo qui định của pháp luật và xin vắng mặt trong vụ kiện này.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa ra xét xử vụ án trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm 15, 16, 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Phan Thị Tuyết H; cụ thể tuyên:

Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại do vụ tai nạn cháy tàu cá BT-98354-TS ngày 24/5/2021 gây ra theo theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số MHS/02014851 ngày 07/3/2021 cho bà Phan Thị Tuyết H tổng số tiền là 1.251.031.072 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu không trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm hai đồng).

Tổng Công ty cổ phần B phải trả cho bà Phan Thị Tuyết H chi phí giám định chữ ký là: 1.830.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác một phần yêu cầu của bà H đối với việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B đối với số tiền 1.032.052.298 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi hai ngàn hai trăm chín mươi tám đồng).

Bác yêu cầu phản tố của Tổng công ty cổ phần B về việc tuyên bố Hợp đồng bảo hiểm MHS/02014851 ngày 07/3/2021 vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2023, bị đơn Tổng công ty cổ phần B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với nội dung kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 07/3/2021, bà H ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số MHS/02014851 do Công ty B1 phát hành đối tượng bảo hiểm là thân tàu cá BT – 98354-TS, hiệu lực từ 07/3/2021 đến 06/3/2022 giá trị tham gia bảo hiểm là 2.515.000.000 đồng theo điều kiện bảo hiểm mọi rủ ro, người thụ hưởng là Ngân hàng N1 - Chi nhánh thành phố B.

Nguyên nhân dẫn đến tàu cá nêu trên cháy theo Kết luận giám định của Công ty TNHH G là do "*Chập điện bên trong buồng máy"*. Bà H có cử ông T3 trong coi tàu cá nhưng khi xảy ra tàu cháy thì ông T3 vừa lên bờ uống nước cách chỗ tàu neo đậu khoảng trên dưới 60m. Nguyên nhân cháy là do *"chập điện"* và vị trí cháy ban đầu là *"bên trong buồng máy tàu cá BT-98354-TS"*, sự cố này chỉ khi ngọn lửa cháy lớn mới có thể phát hiện. Bên cạnh đó, theo ý kiến kết luận của giám định viên LCL CONTROL về tổn thất thì: "do chập điện từ bên trong buồng máy tàu cá BT 98354-TS, gây ra các tổn thất cháy tàu cá BT 98354-TS" còn người trông coi tàu cá thì: "thông thường sau chuyến biển vào bờ thì thuyền viên làm việc trên tàu sẽ xin về thăm nhà,…Thời gian chuẩn bị từ 01 đến 02 tuần,…Trong lúc chờ đợi thì tàu sẽ neo đậu tại bến cùng với các tàu khác và sẽ được người trực tàu ở bờ trông coi, thường người này là người thân quen của chủ tàu, vừa trông coi đội tàu vừa trông coi bến bãi và phụ chạy vật tư cho chủ tàu,… Một người sẽ trông coi nguyên đội tàu từ hai đến trên chục chiếc,

… Người trông coi tàu thường chỉ phụ trách trông coi tài sản trên tàu, không cho người lạ lên tàu, can thiệp trong trường hợp tàu bị trôi dạt,...".

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tàu cá trên có người trong coi là ông T3, sau khi ông T3 đi vệ sinh, đang ngồi uống nước trên bờ, ở cách tàu khoảng 60m. Như vậy, mặc dù ông T3 không ở trên tàu nhưng chỉ ở cách tàu khoảng 60m nên vẫn trong phạm vi gần có thể quan sát, trông giữ được tàu. Trong trường hợp này khi phát sinh cháy ông T3 có ở trên tàu mà nguyên nhân cháy là do chập điện thì ông T3 cũng khó có thể phát hiện để phòng, tránh được vả lại, ngay khi nhìn thấy tàu bốc khói cháy ông T3 đã tri hô, di dời và tiến hành cho lùi ngay 03 tàu cá neo đậu bên cạnh đó ra ngoài sông để tránh cháy lan, nổ lực làm giảm thiệt hại về số lượng tàu cá đồng thời yêu cầu sự giúp đỡ của Bộ đội biên phòng và đội cứu hỏa phòng cháy, chữa cháy hỗ trợ dập tắt lửa. Do đó, bà H và ông T3 không vi phạm quy định vào điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu trên.

Đối với trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo qui định tại khoản 2 Điều 16 của Luật kinh doanh Bảo hiểm đã quy định khi ký hợp đồng bảo hiểm thì những điều khoản loại trừ bảo hiểm phải được ghi vào hợp đồng bảo hiểm hoặc phụ lục kèm theo hợp đồng bảo hiểm, trong trường hợp này thì Bảo M chỉ cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mà trong giấy chứng nhận bảo hiểm này không có kèm theo những điều khoản loại trừ trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cho người mua bảo hiểm, điều này cũng chứng minh lời trình bày của bà H là phù hợp về việc không được phía Công ty B1 giải thích, cung cấp đầy đủ các thông tin về điều khoản loại trừ trách nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm, do vậy, trong trường hợp này không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường theo qui định tại khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm được sửa đổi bổ sung năm 2010. Do đó, hoàn cảnh xảy ra sự cố cháy tàu không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu tuyên hợp đồng bảo hiểm MHS/02014851 do Tổng Công ty cổ phần B – Công ty B1 cấp cho bà H đối với tàu cá BT-98354-TS vô hiệu, Tòa án sơ thẩm đã không chấp nhận, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm "Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng". Giá trị thực tế của tàu cá BT- 98354 TS là 4.470.000.000đồng, số tiền bảo hiểm 2.515.000.000đồng, tức tỷ lệ bảo hiểm 56,2%. Chị H thống nhất thiệt hại theo

kết luận giám định của Công ty TNHH G là 2.000.800.000 đồng. Số tiền này là toàn bộ chi phí khắc phục sự cố tổn thất sau khi tàu cá BT-98354 TS bị cháy vào ngày 26/5/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 43 Luật kinh doanh bảo hiểm thì mức chi trả bảo hiểm trong trường hợp này là 2.000.800.000 đồng x 56,2% = 1.124.449.600 đồng. Trong đơn bảo hiểm còn qui định về mức khấu trừ là 2,5% là 28.111.240 đồng, do đó sau khi khấu trừ còn lại là 1.096.338.360 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên về thời điểm tính lãi chậm trả thấy rằng theo quy định tại Điều 15 Luật KDBH thì thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm "*Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết hoặc khi có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm*" và tại Điều 9 Quy tắc 2288 "*2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ hoặc không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo Minh phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp Bảo M không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền*…". Trong trường hợp này, do bà H yêu cầu tính từ ngày 20/4/2022 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/ là tự nguyện và phù hợp với qui định nên được chấp nhận.

Số tiền 1.096.338.360 đồng được tính lãi suất theo mức 0,83%/ tháng từ 20/4/2022 cho đến ngày xét xử là: 1.096.338.360 đồng x 0,83% x 17 tháng = 154.693.342 đồng. Tổng cộng là 1.251.031.702 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu không trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm lẻ hai đồng). Tòa án sơ thẩm có sai sót chữ số, cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Tổng công ty cổ phần B bồi thường số tiền bảo hiểm cho bà Phan Thị Tuyết H tổng số tiền 1.251.031.702 đồng, bao gồm: 1.096.338.360 đồng số tiền bồi thường bảo hiểm và 154.693.342 đồng là tiền lãi suất chậm trả, không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với số tiền 1.032.052.298 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi hai ngàn hai trăm chín mươi tám đồng) là có căn cứ.

[6] Theo thoả thuận trong "đơn bảo hiểm" cũng như đề nghị của bà Phan Thị Tuyết H thì tiền bảo hiểm đối với tàu cá BT-98354-TS do Ngân hàng N1– Chi nhánh thành phố B là người thụ hưởng. Tuy nhiên, Ngân hàng N1– Chi nhánh thành phố B có văn bản trình bày ý kiến xác định tài sản tàu cá BT-98354-TS hiện không còn thế chấp tại Ngân hàng và không có phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết và từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét

xử không xem xét giao dịch giữa bà H và Ngân hàng, nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận toàn bộ.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm 15, 16, 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Phan Thị Tuyết H; cụ thể tuyên:

Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại do vụ tai nạn cháy tàu cá BT-98354-TS ngày 24/5/2021 gây ra theo theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số MHS/02014851 ngày 07/3/2021 cho bà Phan Thị Tuyết H tổng số tiền là 1.251.031.702 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu không trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm lẻ hai đồng)**.**

Tổng Công ty cổ phần B phải trả cho bà Phan Thị Tuyết H chi phí giám định chữ ký là: 1.830.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng)**.**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác một phần yêu cầu của bà H đối với việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B đối với số tiền 1.032.052.298 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi hai ngàn hai trăm chín mươi tám đồng).

Bác yêu cầu phản tố của Tổng công ty cổ phần B về việc tuyên bố Hợp đồng bảo hiểm MHS/02014851 ngày 07/3/2021 vô hiệu.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Tổng công ty cổ phần B phải nộp là 49.530.950 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi ngàn chín trăm năm mươi đồng) và án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiến tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007221 ngày 08/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà H không phải chịu án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty cổ phần B phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007306 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng